

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày 24 – 5 – 2023
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol.

Ông Nguyễn Đông Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị Bé T (nguyên đơn) trình bày:

Vào ngày 25/3/2022 bà có cho vợ chồng ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 2% do hai bên tự thỏa thuận không ghi vào biên nhận, có làm biên nhận do ông S tự viết biên nhận và ký tên, từ khi vay đến nay không có đóng lãi. Sau đó, bà đã yêu cầu vợ chồng ông S, bà L trả vốn cho bà nhiều lần

nhưng ông S và bà L hứa mà không thực hiện. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông S và bà L trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 11.200.000 đồng. Sau đó, tại biên bản ngày 07/4/2023 bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà L trả lại cho bà số tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính 20%/năm tính từ ngày làm biên nhận đến nay là 01 năm với số tiền 14.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 84.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông S và bà L trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng (lãi suất tính 10%/năm).

Đối với ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T nhưng ông S và bà L không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông S và bà L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông S và bà L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T với bị đơn ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L có địa chỉ cư trú tại ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 11.200.000 đồng. Sau đó, tại biên bản ngày 07/4/2023 bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà L trả lại cho bà số tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính 20%/năm tính từ ngày làm biên nhận đến nay là 01 năm với số tiền 14.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 84.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông S và bà L trả tổng số tiền 77.000.000 đồng. Trong đó, tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng (lãi suất tính 10%/năm), khi vay ông S tự viết biên nhận và ký tên.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà T, triệu tập ông S và bà L nhiều lần nhưng ông S và bà L đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông S và bà L thừa nhận số nợ bà T yêu cầu. Mặt khác, bà T có cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 25/3/2022, nội dung thể hiện ông S có nhận của bà T số tiền 70.000.000 đồng, ông S có ký tên vào biên nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông S và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn là 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi bà T yêu cầu tính từ ngày làm biên nhận 25/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 7.000.000 đồng. Xét thấy, tại

phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận do không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật dân sự. Đối với số tiền lãi bà T yêu cầu ông S và bà L trả số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tổng số tiền vốn và tiền lãi ông S và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T là 77.000.000 đồng. Ngoài ra, ông S và bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí:* Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông S và bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với tổng số tiền 77.000.000 đồng phải trả cho bà T là 3.850.000 đồng.

Bà T không phải dự nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

[4] *Về quyền kháng cáo:* đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

[1] *Về nội dung:*

Buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé T tổng số tiền 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] *Về án phí:*

Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.850.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Bé T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn S và bà Phạm Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền